

Bản án số: **156/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 22/11/2022

V/v “*Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau khi
ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Thành Trung**

Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Chữ Thị Bích Lệ** - Thẩm tra viên

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:*** ông **Nguyễn Đức Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/TLPT- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số **13/2022/HNGĐ – ST** ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H kháng nghị và chị **Bùi Lê T** kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 31/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐ-PT/HNGĐ ngày 16/11/2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thọ Việt A**, sinh năm 1984.

Nơi ở tại: số nhà XX C6 khối 2, khu đô thị M 1, phường C, quận N, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị **Bùi Lê T**, sinh năm 1985.

Nơi ở tại: số X/92 phố H, phường C, Quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh **Nguyễn Thọ Việt A** và chị **Bùi Lê T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, thành phố Hà Nội ngày 13/06/2016. Anh V và chị T có 01 con chung là **Nguyễn L**, sinh này 06/5/2017.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V và chị T đã thống nhất giải quyết ly hôn. Tại Quyết định số 45/QĐST- HNGĐ ngày 14/02/2020 do Tòa án nhân dân quận C ban hành đã ghi nhận sự thuận tình ly hôn của hai người và giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh V có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị T là 2.000.000 đồng/ tháng. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Sau khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, do không thống nhất được cách chăm sóc, giáo dục và thăm nom con chung nên

ngày 11/01/2021, anh V đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cụ thể anh V đề nghị để anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn L thay chị T và không yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con.

Lý do anh V đưa ra để thay đổi người trực tiếp nuôi con là chị T không đủ điều kiện nuôi con, luôn cản trở không cho anh thực hiện trách nhiệm của người bố trong việc chăm sóc giáo dục con chung.

Ngày 01/02/2021, Tòa án nhân dân quận H đã thụ lý sơ thẩm vụ án để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị T trình bày chị vẫn đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và tạo điều kiện để anh V được gần gũi, đưa đón chăm sóc con chung. Ngược lại, anh V luôn gây khó khăn, tạo mâu thuẫn vô cớ trong việc chăm sóc con chung. Chị không đồng ý để anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị T còn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hạn chế quyền của anh V về việc thăm non con chung.

Ngày 20/7/2022, Tòa án nhân dân quận H đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của anh V và yêu cầu phản tố của chị T. Tại Bản án sơ thẩm số 13/2022/HNGĐ-ST, Hội đồng xét xử đã quyết định:

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nguyễn Thọ Việt A đối với chị Bùi Lê T.

Giao cháu Nguyễn L, sinh ngày 06/5/2017 cho anh Nguyễn Thọ Việt A trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 8.2022 đến khi con chung trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thọ Việt A không yêu cầu chị Bùi Lê T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền chăm sóc, thăm hỏi con chung, không ai được ngăn cản.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị T về việc hạn chế quyền của anh V đối với cháu Nguyễn L.

Về án phí: Anh V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền anh V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0018242 ngày 25/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H được đối trừ. Chị T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án, chị Bùi Lê T đã kháng cáo bản án sơ thẩm với đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo các yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thọ Việt A.

Ngày 02/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận H có Quyết định số 03/QĐ-VKS-HNGĐ về việc kháng nghị Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thọ Việt A về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh V trình bày các nội dung như anh đã trình bày tại cấp sơ thẩm và không cung cấp bổ sung được thêm tài liệu chứng cứ nào khác so với các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp ở cấp sơ thẩm. Chị T ngoài việc trình bày các nội dung đã trình bày trong đơn kháng cáo và các lời khai như ở cấp sơ thẩm đã trình bày, chị có trình bày thêm kể từ khi ly hôn và chị được trực tiếp chăm sóc con chung là cháu Nguyễn L, chị và con nhận được sự hỗ trợ chăm sóc rất tốt từ

mẹ chị là bà Lê Thị Ngọc D, người chung sống cùng mẹ con chị. Bà D là bác sỹ đã nghỉ hưu nên có nhiều thời gian cùng chị chăm sóc Cháu L, nhất là những lúc ốm đau.

Anh V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quận H và đề nghị giữ nguyên kết quả của Bản án sơ thẩm đã tuyên. Chị T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo nội dung đã kháng cáo là sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của anh V. Ngoài ra chị T xin rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con chung của anh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên nội dung đã kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quận H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về Tổ tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Thọ Việt A nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội. Chị Bùi Lê T và cháu Nguyễn L đang sinh sống tại số XX/92 phố H, phường C, Quận H, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được qui định tại khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 45/QĐST-HNGĐ ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân quận C đã ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung như sau: Anh V và chị T xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn L - sinh ngày 06 tháng 5 năm 2017. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Kể từ khi ly hôn, Cháu L ở với chị T và bà ngoại tại nhà riêng có địa chỉ tại số 2/92 phố Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Thời gian đầu, anh V và chị T thỏa thuận việc đón và chăm sóc con chung mỗi người nuôi con 1 tuần. Tuy nhiên, theo lời khai của chị T, do anh V không tuân thủ theo thỏa thuận về việc đón con nên chị đã đón Cháu L về nhà nuôi theo đúng quyết định của Tòa án. Từ đó, anh V cho rằng anh bị chị T ngăn cấm gặp con nên đã có Đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận H.

Theo Bản án số 13/2022/HNGĐ-ST ngày 20/7/2022, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định như sau:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được, nhận thấy: Hai bên đều có nhà riêng với các điều kiện sống tốt. Nguyên đơn - anh Nguyễn Thọ Việt A làm công chức tại cơ quan Nhà nước, có công việc và thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Chị T có công việc, thu nhập tuy nhiên từ ngày 25/9/2021 đến nay chị T cùng một lúc ký hai Hợp đồng lao động với hai công ty, cùng là làm việc toàn thời gian là không trung thực trong việc khai thu

nhập. Ngoài ra, từ ngày 13/9/2021 đến ngày 01/12/2021 chị T xin nghỉ không lương, không có việc làm nên thu nhập của chị T không ổn định.

Việc chị T không cung cấp đường Link camera lớp học của cháu Nguyễn L cho anh V cùng với sự việc xô xát, to tiếng trước cửa nhà chị T khi anh V đến đón con cho thấy chị T có một phần cản trở anh V trong việc thăm, gặp con chung.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hạn chế quyền thăm gặp của anh V đối với con chung là không phù hợp với quy định tại Điều 185 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thọ Việt A đối với chị Bùi Lê T. Thay đổi người trực tiếp nuôi, con sau ly hôn, giao con chung là cháu Nguyễn L cho anh V nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Bùi Lê T đối với anh Nguyễn Thọ Việt A về việc hạn chế quyền thăm, gặp của anh V đối với con chung.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về điều kiện nuôi con chung của chị Bùi Lê T: Chị Bùi Lê T có nhà riêng tại số 2/92 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Chị T cùng một lúc làm việc tại hai nơi, cụ thể là tại Công ty TNHH Nam Hải Phát và Trường tiểu học JP. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định rằng việc chị T ký hợp đồng lao động với hai nơi làm việc đều toàn thời gian là không có căn cứ, thiếu trung thực, xác minh bảo hiểm thì số tiền đóng bảo hiểm của chị T chỉ tương đương mức lương 4.800.000đ/tháng và có một thời gian chị T nghỉ việc không lương. Từ đó cho rằng chị T không có công việc ổn định, thu nhập thấp hơn anh V. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng nhận định trên là chưa chính xác. Theo quy định của Bộ luật Lao động, không có điều cấm người lao động được cùng một lúc làm việc cho hai nơi. Việc chị T cùng lúc ký được hợp đồng lao động với hai đơn vị sử dụng lao động và đều đáp ứng được công việc, có xác nhận mức lương, mức thu nhập cụ thể cho thấy chị là người có trình độ và năng lực. Về mức lương đóng bảo hiểm xã hội, theo các đơn vị Bảo hiểm xã hội cung cấp, theo Luật Bảo hiểm xã hội cũng như theo giải trình cụ thể từ Công ty TNHH Nam Hải Phát, Trường tiểu học Jean Piaget mức lương đóng bảo hiểm chỉ là một trong các khoản thu nhập thực tế của người lao động, ngoài lương đóng bảo hiểm, người lao động còn có các khoản phụ cấp, thu nhập tăng thêm... Do đó, mức lương đóng bảo hiểm xã hội không phải là căn cứ để xác minh thu nhập. Với mức thu nhập của Công ty TNHH Nam Hải Phát là 19.000.000 đồng/tháng, thu nhập tại Trường tiểu học JP trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng thì tổng thu nhập của chị một tháng khoảng 30.000.000 đồng, chị T có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cháu Nguyễn L. Chị Bùi Lê T còn có khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với trị giá: 150.000.000 đồng. Như vậy, xét điều kiện nuôi con của chị Bùi Lê T nhận thấy: chị T có nhà riêng, có công việc ổn định, thu nhập cao, có tiền gửi tiết kiệm tích lũy. Và thực tế, chị đã đáp ứng được các điều kiện sống về vật chất, tinh thần tốt nhất cho cháu. Cháu L được theo học lớp mầm non tại trường Mầm non Ngôi nhà trí tuệ HD. Qua xác minh, đại diện nhà trường cho biết: Chị T là người đóng học phí, thường xuyên đưa đón con, quan tâm, hỏi han, trao đổi với giáo viên về việc học tập của con tại trường. Chị T rất tạo điều kiện cho Cháu L

tham gia các hoạt động ngoại khóa. Cháu L phát triển rất tốt, tiếp thu nhanh, thông minh và hòa đồng với các bạn.

Đối với việc anh V cho rằng chị T cản trở không cho anh thăm, gặp con chung: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định từ việc chị T không cung cấp đường Link camera lớp học của Cháu L cho anh V, cũng như sự việc xô xát, to tiếng trước cửa nhà chị T khi anh V đến đón con cho thấy chị T có một phần cản trở anh V trong việc thăm, gặp con chung là chưa chính xác. Trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên đều đưa ra các chứng cứ về quá trình đón, thăm gặp con chung. Theo các tin nhắn của hai bên, chị T luôn nhắn tin cho anh V để anh đón con vào cuối tuần, đã cung cấp đường Link camera lớp học từ khi Cháu L bắt đầu theo học... Chị T có địa chỉ nhà ở rõ ràng, cung cấp cho anh V nơi Cháu L học tập thì không thể cấm anh V đến thăm, gặp cháu cũng như nắm bắt các tình hình của con chung. Thực tế, tới thời điểm phiên tòa diễn ra, anh V vẫn đón Cháu L vào cuối tuần mà không bị chị T cản trở.

Quá trình giải quyết, anh V cho rằng trong quá trình nuôi dưỡng con, chị T không tạo điều kiện để anh được thăm gặp và chăm sóc con chung. Đây cũng là một phần lý do để anh xin thay đổi để anh trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định lý do này không phải là căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Tại Quyết định số 45/QĐST-HNGĐ ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân quận C đã có hiệu lực pháp luật về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh V và chị T có phần nội dung ghi nhận: *“Không ai được cản trở thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung”*. Nếu thật sự chị T cản trở không cho anh V thăm gặp và chăm sóc con chung thì anh V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự để thi hành nội dung này.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn quy định: *“2. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:*

a, Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b, Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. ”.

Như vậy, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia Đình nói trên, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chỉ được chấp nhận khi có sự thống nhất của cha, mẹ hoặc khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông **nom** chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét các điều kiện của chị T, chị T đáp ứng các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng Cháu L, đảm bảo cho cháu có một cuộc sống đầy đủ, được học tập, sinh hoạt và phát triển tốt nhất. Kể từ khi ly hôn và được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, điều kiện sinh sống và làm việc của chị T không có sự xáo trộn hay thay đổi làm cho điều kiện nuôi con bị sút giảm. Mặt khác, Cháu L còn nhỏ, đang trong độ tuổi mầm non, rất cần sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giáo dục tỉ mỉ từ mẹ. Chị T là người có trình độ học vấn, có kỹ năng sư phạm nên việc chăm sóc, giáo dục, định hướng cho Cháu L sẽ rất tốt. Chị T còn có mẹ là bà Lê Thị Ngọc D là bác sỹ đã nghỉ hưu ở cùng chị và Cháu L nên sự hỗ trợ từ bà ngoại trong việc chăm sóc Cháu L sẽ tốt hơn và đảm bảo cho cháu về sức khỏe mỗi khi ốm đau, bệnh tật. Chị T luôn thừa nhận không hề có ý định hay hành vi ngăn cản, chia cắt Cháu L với gia đình bên

nội. Anh V cũng như ông bà nội có quyền đón, gặp cháu theo đúng quy định của pháp luật. Đối với anh V, anh không chứng minh được chị T không còn đủ điều kiện để tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Do vậy cần chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận H và kháng cáo của chị Bùi Lê T, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của anh V.

Đối với yêu cầu của chị T về việc đề nghị Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh V, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây là yêu cầu phản tố của chị T để thụ lý giải quyết trong cùng vụ án này là không đúng quy định của tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của chị T không thuộc trong các trường hợp để chấp nhận thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn. Ngoài ra yêu cầu này lại được thực hiện sau thời điểm Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn đề thụ lý yêu cầu phản tố là không đúng với quy định tại khoản 3 Điều 200 Luật tố tụng hành chính. Mặt khác, yêu cầu khởi kiện của anh V là tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn được quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và được giải quyết theo tố tụng tại Phần thứ hai: Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn yêu cầu hạn chế việc thăm nom con chung sau ly hôn của chị T là việc dân sự theo khoản 4 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự và được giải quyết theo tố tụng tại Phần thứ sáu: Thủ tục giải quyết việc dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con chung của chị T phải được thụ lý giải quyết bằng vụ việc khác. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm chị T đã rút yêu cầu khởi kiện về nội dung này, anh V không có ý kiến khác nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ yêu cầu này của chị T.

[3]. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm, Bản án sơ thẩm tuyên buộc anh V phải chịu án phí sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên chị T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 150; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mẫu thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị Quyết.

Xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận H và kháng cáo của chị Bùi Lê T.

Sửa Bản án Hôn nhân và Gia Đình sơ thẩm số 13/2022/HNGĐ-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thọ Việt A về việc xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Đình chỉ yêu cầu của chị Bùi Lê T về đề nghị hạn chế việc thăm nom con chung sau ly hôn đối với anh Nguyễn Thọ Việt A.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Thọ Việt A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2016/0018242 ngày 28/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Chị Bùi Lê T không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0051755 ngày 02/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tp Hà Nội;
- Chi cục THA dân sự quận H
- TAND quận H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Lam